TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/HS-PT
Ngày 19/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu

Bà Phạm Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Xuân H và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Xuân H, tên gọi khác: không; sinh năm 1976 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị C; vợ Đồng Thị H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 10/9/2023; ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Luân Thị N - Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số F, đường V, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt

2. **Bùi Văn T1**, sinh năm 1965 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy B và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ Nguyễn Thị Thanh H2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 19/6/2003, Công an huyện K phạt tiền về hành vi Đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 10/9/2023, ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

3. **Nguyễn Văn H3**, sinh năm 1977 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L và bà Phạm Thị N1; vợ Vũ Thị H4 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 10/9/2023, ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

4. **Đồng Tuấn A**, sinh năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn S và bà Ngô Thị C1; vợ Phạm Thị H5 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023, ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

5. **Phạm Văn C2**, sinh năm 1967 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B1 và bà Phạm Thị M (đều đã chết); vợ Đồng Thị H6 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 25/01/2005, Công an huyện K phạt tiền về hành vi Đánh bạc, bị tạm giữ từ ngày 24/10/2023 đến ngày 30/10/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo C2: Bà Lê Thị Thu H7 - Trợ giúp viên Pháp lý Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh H; Địa chỉ: Số A, phố T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

6. **Phạm Văn V**, sinh năm 1983 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1 và bà Bùi Thị H8; vợ Trần Thị Yến P và có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 28/6/2006, Công an huyện K phạt tiền về hành vi Đánh nhau, bị tạm giữ từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/9/2023,

ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

7. **Ngô Văn B2**, sinh năm 1968 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K và bà Phạm Thị P1 (đều đã chết); vợ Phạm Thị H9, có 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 09/02/2007, Công an huyện K xử phạt tiền về hành vi Đánh bạc, bị tạm giữ từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/9/2023, ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

8. **Đồng Văn T2**, sinh năm 1983 tại tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn T3 và bà Đồng Thị H10; vợ Hà Thị O và có 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa; , bị tạm giữ từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/9/2023, ngày 13/3/2024 bị bắt tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt

Vụ án còn 01 bị cáo không kháng cáo và bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 07/9/2023, Bùi Văn T1, Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Phạm Văn V, Phạm Xuân H, Đồng Văn T2, Nguyễn Văn H3 và anh Phạm Văn T4 đều trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương lần lượt đến nhà Phạm Xuân T ở thôn P, xã K ngồi chơi, uống nước. Tại đây, T1, V, C2, B2 thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. Phạm Xuân T đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại phòng khách nhà mình và thu tiền hồ. Sau đó, T1, V, C2, B2 ngồi xuống chiếu cói được trải sẵn trên nền phòng khách, Phạm Xuân H (là con đẻ của T) lấy 02 bộ bài chắn (01 bộ màu trắng, 01 bộ màu đỏ, mỗi bộ A1 quân bài) để trên 02 đĩa sứ màu trắng trên bàn uống nước và chia bài cho T1, V, C2, B2 đánh bạc. T nằm ở ghế tựa cùng T2, H3 và anh T4 ngồi trên giường cạnh đó xem đánh bạc. Khi đánh bạc, T1 sử dụng 5.470.000 đồng, V sử dụng 440.000 đồng, C2 sử dụng 400.000 đồng, B2 sử dụng 190.000 đồng. Khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, Đồng Tuấn A đến và ngồi xem T1, V, C2, B2 đánh bạc. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, V, C2, B2 không tham gia đánh bạc, về trước. Lúc này, V vẫn còn 440.000 đồng, C2 có 590.000 đồng, B2 thua hết tiền. Ngay lúc đó, H sử dụng 11.970.000 đồng, H3 sử dụng 7.820.000 đồng, Tuấn A sử dụng 2.190.000 đồng lần lượt vào thế chân B2, C2, V tiếp tục đánh bạc với T1. Tuyến

thay Hiến chia bài. Các đối tượng trên thống nhất quy định mức "ù xuông" là thấp nhất, mỗi người chơi phải trả 30.000 đồng cho người "ù", nếu người "ù" bằng hình thức khác mỗi người chơi phải trả thêm 10.000 đồng khi thêm 01 "cước" cho người "ù"; nếu ai "ù to" (tức là trên 06 "cước") thì sẽ cho người chia bài 10.000 đồng (tiền công chia bài) và cho T 10.000 đồng (tiền hồ).

Đến 11 giờ cùng ngày, trong lúc T1, H, H3, Tuấn A và T2 đang đánh bạc thì bị phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếu cói, 01 bộ bài chắn 100 quân bài màu đỏ, 01 bộ bài chắn 100 quân bài màu trắng, 02 đĩa sứ và số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 27.450.000 đồng, trong đó: T5 của T1 4.890.000 đồng (tại vị trí trước mặt T1 390.000 đồng, trong túi quần trái T1 đang mặc 4.500.000 đồng); của H 11.480.000 đồng (tại vị trí trước mặt Hiến 430.000 đồng, trong túi quần phải H đang mặc 80.000 đồng, trong ví để trước mặt 10.970.000 đồng); của H3 7.560.000 đồng (tại vị trí trước mặt Hinh 210.000 đồng, trong ví ở túi quần sau bên phải Hinh đang mặc 7.350.000 đồng); của Tuấn A 3.420.000 đồng (tại vị trí trước mặt Tuấn A 2.020.000 đồng, trong túi quần trái Tuấn A đang mặc 1.400.000 đồng); thu trước mặt Tuyến 100.000 đồng (gồm: 50.000 đồng là tiền công chia bài của T2 và 50.000 đồng là tiền hồ sẽ đưa cho T)

Ngày 18/9/2023, Ngô Văn B2 và Phạm Văn V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đầu thú, V tự nguyện giao nộp số tiền 440.000 đồng sử dụng đánh bạc. Ngày 24/10/2023, C2 ra đầu thú và tự nguyện giao nộp 590.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân H, Bùi Văn T1, Nguyễn Văn H3, Phạm Văn V, Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Đồng Tuấn A, Đồng Văn T2 phạm tội Đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 18 tháng tù

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 21 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 18 tháng tù, Đồng Tuấn A 17 tháng tù, Đồng Văn T2 15 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 , Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 17 tháng tù, Ngô Văn B2 16 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn C2 16 tháng tù.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn áp dụng pháp luật, tuyên hình phạt đối với Phạm Xuân T, tuyên hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/3/2024, bị cáo Phạm Văn C2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong các ngày 18/3/2024 và 26/3/2024, các bị cáo Ngô Văn B2, Phạm Xuân H, Phạm Văn V, Nguyễn Văn H3, Đồng Tuấn A, Đồng Văn T2, Bùi Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, xác định hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho các bị cáo cơ bản nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ. Bà H7 nhất trí với luận tội hình phạt của Viện kiểm sát cho bị cáo C2 hình phạt bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Luật sư N đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thân nhân có nhiều thành tích, bị cáo đã tự nguyện nộp án phí và án phạt theo quyết định của bản án sơ thẩm để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Sau khi phân tích các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, xác định cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Phạm Văn C2, chấp nhận một phần kháng cáo của Ngô Văn B2, Phạm Xuân H, Phạm Văn V, Nguyễn Văn H3, Đồng Tuấn A, Đồng Văn T2, Bùi Văn T1. Xử phạt Phạm Xuân H từ 15 – 17 tháng tù; Bùi Văn T1 từ 10 tháng – 15 tháng tù; Nguyễn Văn H3 từ 08 tháng – 12 tháng tù; Đồng Tuấn A từ 08 tháng – 11 tháng tù; Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Phạm Văn V, Đồng Văn T2 hình phạt tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho C2, V, B2, T2 ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, biên bản phạm tội bắt người quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 8 giờ 30 phút đến 11 giờ ngày 07/9/2023, tại thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phạm Xuân T có hành vi dùng nhà ở của mình cho Bùi Văn T1, Phạm Xuân H, Phạm Văn V, Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Nguyễn Văn H3, Đồng Tuấn A, Đồng Văn T2 đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền, tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 28.480.000 đồng, T được hưởng lợi 50.000 đồng tiền hồ. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Bùi Văn T1, Phạm Xuân H, Phạm Văn V, Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Nguyễn Văn H3, Đồng Tuấn A và Đồng Văn T2 tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh, các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, H3, Tuấn A, C2, V, B2, T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C2 là người khuyết tật nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có bố đẻ được tặng thưởng huân chương; Bị cáo V, B2, C2 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Bị cáo B2 được Hội Khuyến học xã K, Ủy ban nhân dân xã K tặng Giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Giai đoạn phúc thẩm các bị cáo T1, H3, B2, V, T2, H tự nguyện nộp tiền án phí, tiền phạt theo bản án sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật và được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của luật sư N áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H tuy nhiên xác định H giữ vai trò đầu vụ, sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc, chia bài cho các bị cáo khác đánh bạc nên H không thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nên đề nghị của luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét thấy Bị cáo C2, V, B2 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất, T2 không trực tiếp đánh bạc mà chỉ chia bài cho các bị cáo trong thời gian ngắn nên giữ vai trò thấp nhất trong vụ án. Các bị cáo đã bị tạm giam một thời gian là đủ để giáo dục và trừng trị các bị các bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, xử các bị cáo mức án bằng thời hạn giữ, tạm giam và quyết định trả tự do cho

các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Về việc tính thời hạn tạm giữ và tạm giam, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 17 Thông tư liên tịch số 04 ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ C3 – Bộ Q.

[3.2]. Đối với bị cáo H giữ vai trò đầu vụ; T1, H3, Tuấn A đều sử dụng số tiền nhiều hơn các bị cáo khác để đánh bạc nên không có căn cứ được hưởng án treo. Tuy nhiên xét hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất bộc phát, không có dự mưu từ trước, giai đoạn phúc thẩm các bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết 326/2012/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn C2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phạm Xuân H, Bùi Văn T1, Nguyễn Văn H3, Đồng Tuấn A, Phạm Văn V, Ngô Văn B2, Đồng Văn T2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-St ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân H, Bùi Văn T1, Nguyễn Văn H3, Phạm Văn V, Phạm Văn C2, Ngô Văn B2, Đồng Tuấn A, Đồng Văn T2 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Xuân H 15 (Mười lăm) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đồng Tuấn A 08 (T6) tháng tù được trừ 06

ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (Bảy) tháng 24 (Hai mươi tư) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn V, Ngô Văn B2, Bùi Văn T1, Nguyễn Văn H3, Đồng Văn T2; áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn C2.

Xử phạt Bùi Văn T1 10 (Mười) tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

Xử phạt Nguyễn Văn H3 08 (T6) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (Bảy) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

Xử phạt Đồng Văn T2 06 (Sáu) tháng 17 (Mười bảy) ngày tù được trừ 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 11 (Mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

Xử phạt Phạm Văn V 06 (Sáu) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 11 (Mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

Xử phạt Ngô Văn B2 06 (Sáu) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 11 (Mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

Xử phạt Phạm Văn C2 11 (Mười một) tháng 02 (Hai) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/10/2023.

Trả tự do cho các bị cáo Đồng Văn T2, Phạm Văn V, Ngô Văn B2, Phạm Văn C2 ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Ngô Văn B2 đã nộp 12.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0001000 ngày 16/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành (do Phạm Văn H11 nộp thay).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Văn T1 đã nộp 15.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0001049 ngày 28/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành (do Nguyễn Thị Thanh H2 nộp thay).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn H3 đã nộp 12.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0001048 ngày 28/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành (do Vũ Thị H12 nộp thay).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn V đã nộp 12.000.000 đồng tiền phạt theo Biên lai thu số 0001043 và 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo Biên

lai thu số 0001042 đều vào ngày 20/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành (do Trần Thị Yến P nộp thay).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Xuân H đã nộp 15.200.000 đồng tiền phạt theo Biên lai thu số 0001044 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành (do Đồng Văn H13 nộp thay).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/9/2024.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Kim Thành (02 bản);
- VKSND huyện Kim Thành;
- CQCSĐT, CQTHAHS – CA huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đăng Huy